TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 71/2025/DS-ST Ngày 06 – 8 – 2025 V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Trọn

2. Ông Nguyễn Ngọc Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Trong các ngày 05, 06 tháng 8 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 282/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Huỳnh Chí T – Chủ hộ kinh doanh Thành Công; Địa chỉ: khóm 2, xã C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Anh D, sinh năm 1995; Địa chỉ: số 20, ấp Bà Đ, phường L, tỉnh Cà Mau; Là người đại diện theo ủy quyền của anh Huỳnh Chí T theo văn bản ủy quyền ngày 18/3/2025 (xin vắng mặt khi tuyên án).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1979 và ông Huỳnh Văn N, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp Kiến Vàng A, xã N, tỉnh Cà Mau (ông N xin vắng mặt khi tuyên án, bà Y có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/01/2023, anh Huỳnh Chí T là chủ hộ kinh doanh Thành Công ký hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản với vợ chồng ông Huỳnh Văn N, bà Nguyễn Thị Y. Theo nội dung thỏa thuận Hộ kinh doanh Thành Công (gọi tắt Hộ

kinh doanh) sẽ bán thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa, Grobest và các nhãn hiệu khác cùng với thuốc, hóa chất cho nuôi trồng thủy sản, số lượng cụ thể sẽ do vợ chồng ông N đặt hàng gửi cho Hộ kinh doanh Thành Công, thời hạn hợp đồng là 01 năm. Quá trình thực hiện hợp đồng, do nuôi tôm không đạt nên vợ chồng ông N không đặt hàng và Hộ kinh doanh cũng không cung cấp hàng nữa. Đến ngày 29/4/2024, hai bên đối chiếu công nợ theo đó vợ chồng ông N còn nợ Hộ kinh doanh số tiền 245.792.000 đồng. Nay anh T là chủ Hộ kinh doanh khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông N, bà Y trả số tiền nợ 245.792.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 30/4/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 15 tháng 06 ngày với số tiền 31.009.000 đồng, tổng hai khoản là 276.801.000 đồng nhưng tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của anh T đồng ý việc vợ chồng ông N thừa nhận số tiền còn nợ là 242.792.000 đồng và thống nhất giảm cho vợ chồng ông N hết số tiền lãi chậm trả. Tuy nhiên, người đại diện hợp pháp của anh T yêu cầu ông N, bà Y trả một lần hết số tiền còn nợ là 242.792.000 đồng (hai trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng), không đồng ý việc vợ chồng ông N xin trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng cũng không đồng ý tính chiếc khấu bởi việc tính chiếc khấu chỉ được áp dụng khi vợ chồng ông N trả hết nợ và mức chiếc khấu được áp dụng theo từng thời điểm trả nợ do Hộ kinh doanh quy định.

Tại phiên tòa, ông Huỳnh Văn N và bà Nguyễn Thị Y (bị đơn) trình bày:

Ông Huỳnh Văn N, bà Nguyễn Thị Y thừa nhận việc ký hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc thủy sản của Hộ kinh doanh Thành Công vào ngày 07/01/2023, thời hạn hợp đồng mua bán là 01 năm. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng vào khoảng tháng 4/2023, ông bà không còn mua thức ăn, thuốc thủy sản của Hộ kinh doanh do việc nuôi tôm công nghiệp thất bại, không còn vốn để tiếp tục nuôi tôm nên ông bà còn nợ lại tiền mua thức ăn tôm, thuốc thủy sản của Hộ kinh doanh. Đến ngày 31/12/2023, ông bà với Hộ kinh doanh có đối chiếu công nợ với nhau, việc đối chiếu có lập bằng văn bản và ông bà có thừa nhận còn nợ số tiền 252.792.000 đồng. Sau khi đối chiếu công nợ, ông bà có trả được cho Hộ kinh doanh 04 lần với số tiền 10.000.000 đồng nên số tiền còn nợ lại Hộ kinh doanh là 242.792.000 đồng nhưng khi đối chiếu công nợ vào ngày 29/4/2024, ông bà không biết Hộ kinh doanh tính như thế nào mà ghi trong văn bản đối chiếu số tiền nợ 245.792.000 đồng. Nay tại phiên tòa, ông N cùng bà Y thừa nhận còn nợ Hộ kinh doanh Thành Công số tiền 242.792.000 đồng nhưng đề nghị Hộ kinh doanh Thành Công trừ lại chiếc khấu 13% theo thỏa thuận và giảm toàn bộ số tiền nợ lãi chậm trả cho ông bà. Sau khi đối trừ chiếc khấu, số tiền nợ còn lại bao nhiêu thì ông bà đồng ý trả, hiện hoàn cảnh gia đình khó khăn ông N và bà Y xin trả mỗi năm là 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, cụ thể tranh chấp về việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền mua bán thức ăn và thuốc nuôi tôm. Tuy số tiền theo đối chiếu công nợ vào ngày 29/4/2024 với số tiền bị đơn xác định còn nợ lại có sự chênh lệch nhưng tại phiên tòa, nguyên

đơn cũng đồng ý với số tiền bị đơn xác định còn nợ lại nguyên đơn là 242.792.000 đồng nên chấp nhận. Dù vậy, nguyên đơn cho rằng từ sau khi đối chiếu công nợ vào ngày 29/4/2024 cho đến nay, bị đơn chưa trả khoản nợ trên. Riêng bị đơn thừa nhận còn nợ và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 242.792.000 đồng nhưng bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải trừ tiền chiếc khấu 13% vào số tiền bị đơn còn nợ, số tiền còn lại bao nhiêu thì bị đơn sẽ trả nên giữa các đương sự xảy ra tranh chấp.

[2] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử nhận thấy việc mua bán giữa các đương sự có ký kết hợp đồng mua bán vào ngày 07/01/2023 và các đương sự thống nhất với nhau không có tranh chấp về số lượng, chất lượng hàng hóa đã mua bán theo hợp đồng. Sau khi chấm dứt hợp đồng giữa các bên có đối chiếu, xác nhận công nợ và tại phiên tòa, các đương sự thừa nhận hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 242.792.000 đồng là sự thật nên không phải chứng minh. Mặc dù, các bên thống nhất với nhau về số tiền nợ nhưng không thống nhất với nhau về việc tính tiền chiếc khấu 13% nhưng căn cứ vào nội dung hợp đồng mua bán được ký kết không thể hiện nội dung thỏa thuận việc tính chiếc khấu theo như trình bày của bị đơn trong khi nguyên đơn cho rằng việc tính chiếc khấu chỉ áp dụng sau mỗi vụ nuôi tôm, người nuôi tôm trả một lần hết số tiền nợ thì mới tính và tùy vào từng thời điểm người nuôi tôm trả nợ thì tỷ lệ tính chiếc khấu sẽ khác nhau – Đây là chính sách do nguyên đơn tự đưa ra nhằm khuyến khích người nuôi trả hết tiền mua thức ăn và thuốc sau mỗi vụ nuôi tôm. Bên cạnh đó, khi các bên chấm dứt hợp đồng mua bán, bị đơn đã thực hiện việc trả tiền cho nguyên đơn nhiều lần và sau mỗi lần trả tiền, hai bên có đối chiếu xác nhận công nợ với nhau nhưng bị đơn không có ý kiến gì về việc tính chiếc khấu, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh vấn đề này nên không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[3] Đối với việc nguyên đơn giảm toàn bộ số tiền lãi chậm trả cho bị đơn là và chỉ yêu cầu trả nợ gốc – Đây là ý chí, quyền tự định đoạt của nguyên đơn nên chấp nhận.

[4] Đối với việc trả nợ một hay nhiều lần, Hội đồng xét xử xét thấy việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên đề cập xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu. Nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí đã nộp được trả lại toàn bộ cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Chí T - Chủ Hộ kinh doanh Thành Công.

Buộc bà Nguyễn Thị Y, ông Huỳnh Văn N có trách nhiệm thanh toán cho anh Huỳnh Chí T - Chủ Hộ kinh doanh Thành Công số tiền là 242.792.000 đồng (hai trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày anh Huỳnh Chí T - Chủ Hộ kinh doanh Thành Công có đơn yêu cầu thi hành án, bà Y và ông N không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Nguyễn Thị Y, ông Huỳnh Văn N phải nộp số tiền 12.139.600 đồng (mười hai triệu một trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm đồng - chưa nộp).

Anh Huỳnh Chí T không phải nộp. Ngày 19/5/2025, anh T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 6.935.325 đồng (sáu triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0004141 được trả lại toàn bộ cho anh T.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân